TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-PT
Ngày 23 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 03/2021/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn P**

Địa chỉ: Quốc lộ 91, khu vực Quy Thạnh 1, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T, sinh năm 1968

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty

Địa chỉ: đường Lê Văn Sĩ, quận Tân Bình, Tp. HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn E, sinh năm 1968

Địa chỉ: đường CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ, (theo văn bản ủy quyền số 42 ngày 29/9/2020)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, lời khai của nguyên đơn và lời khai của người được ủy quyền và lời khai của bị đơn thống nhất trình bày: Ngày 01/10/2018 Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và bà Nguyễn Thị X ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là vật tư nông nghiệp, theo hợp đồng số 524/18-19/HĐMB.CNST thể hiện hàng hóa mà các bên giao kết là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất nông nghiệp do Công ty TNHH P sản xuất, hình thức mua bán là Công ty P giao hàng cho bà X tại địa điểm kinh doanh của bà X, thời hạn thanh toàn tiền hàng 90 ngày kể từ ngày Công ty P xuất hóa đơn, trường hợp bà X chậm thanh toán phải chịu mức lãi phạt 1,2%/tháng (0,04%/ngày). Ngày 20/7/2020 giữa Công ty P và bà X lập biên bản đối chiếu công nợ, tại thời điểm lập biên bản đối chiếu công nợ, tổng số tiền hàng hóa bà X còn nợ Công ty P là 225.621.380đ.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết Công ty P yêu cầu bà X có trách nhiệm giao trả thêm khoản tiền lãi chậm trả tính đến ngày 29/9/2020 bằng số tiền 96.311.942đ, cộng chung tiền vốn hàng hóa và tiền lãi là 321.933.322đ. Tuy nhiên, bà X chỉ thừa nhận và đồng ý trả cho Công ty P tổng số tiền hàng hóa còn nợ là 225.621.380đ, bà không đồng ý trả khoản tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của Công ty P, vì bà cho rằng tại biên bản làm việc ngày 22/10/2019 nhân viên của Công ty P có hứa thu lại số hàng hóa sắp hết hạn sử dụng để trừ vào số tiền hàng hóa bà còn nợ, nhưng Công ty P không thu hồi.

Theo biên bản làm việc ngày 22/10/2019 giữa nhân viên của Công ty P và bà X thể hiện, Công ty đồng ý nhận lại số hàng sắp hết date với điều kiện đúng mã số, lô hàng và bà X phải giải quyết toàn bộ số nợ. Tuy nhiên, bà X chỉ đồng ý thanh toán nợ cho Công ty P số tiền 55.000.000đ vào tháng 10/2019.

Từ những nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại số sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P đòi nợ đối với bà Nguyễn Thị X.

   Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền gốc là 225.621.380đ và số tiền lãi là 55.005.416đ, tổng cộng vốn lãi là 280.626.796đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn P yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả số tiền lãi chậm thanh toán là 41.306.526đ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 30/9/2020 của nguyên đơn.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc công ty TNHH P phải nộp số tiền 2.065.326đ, Công ty TNHH P đã nộp tạm ứng án phí số

tiền 8.048.333đ theo biên lai thu số 0009619 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí số tiền 2.065.326đ, hoàn trả lại cho Công ty TNHH P số tiền 5.983.007đ. Buộc bà Nguyễn Thị X nộp án phí số tiền 14.031.340đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo yêu cầu Công ty P thu hồi lại số hàng hóa hết date để trừ vào số tiền nợ hàng hóa và không đồng ý trả số tiền lãi 55.005.416đ. Tại phiên tòa bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Công ty P không kháng cáo, nhưng ngày 19/4/2021 Công ty P gửi cho Tòa án đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận 41.306.526đ.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Tại biên bản ngày 22/10/2019 giữa ông Nguyễn L đại diện Công ty P với bà X thỏa thuận: Công ty yêu cầu bà X thanh toán 50% số tiền công nợ trong tháng 10/2019 và thanh toán dứt điểm 50% còn lại trong tháng 11/2019, thì Công ty đồng ý thu hàng về đúng mã số lô hàng và đúng date mà Công ty đã giao cho bà X với điều kiện bà X phải thanh toán hết nợ cho Công ty. Nhưng, bà X không thanh toán khoản nợ nào theo thỏa thuận biên bản nêu trên, nên bà X không thể đặt ra yêu cầu đòi công ty phải thu hàng cận date để đối trừ nợ với công ty. Mặt khác, ngày 20/7/2020 Công ty lập biên bản đối chiếu công nợ tính từ ngày 10/01/2019 đến ngày 20/7/2020, bà X còn thiếu lại Công ty số tiền 225.621.380 đồng, bà X đồng ý và ký xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ, nên cấp sơ thẩm buộc bà X có trách nhiệm giao trả số tiền nợ mua hàng cho Công ty là có căn cứ.

Đối với kháng cáo về phần lãi, theo đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa Công ty TNHH P với bà Nguyễn Thị X vào ngày 01/10/2018, với các điều khoản thỏa thuận về việc mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, trong đó tại "Điều 4 của Hợp đồng có thỏa thuận về việc thanh toán, tại mục 4.2 quy định thời hạn thanh toán là 90 ngày tính từ ngày xuất hóa đơn, mục 4.3 phạt thanh toán trễ hạn theo mục 4.2, mức phạt 0,04%/ngày quá hạn (tương đương 1,2%/tháng)" phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà X có trách nhiệm trả khoản tiền lãi cho Công ty là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị

X, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/4/2021 của Công ty TNHH P đối với số tiền 41.306.526đ đã bị cấp sơ thẩm xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm Công ty TNHH P không kháng cáo, nhưng ngày 19/4/2021 Công ty P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần bị Tòa án sơ thẩm xử không chấp nhận, nên không thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của cấp sơ thẩm. Theo Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nguyên đơn có quyền rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, trong trường hợp việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn đồng ý thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, theo đó việc nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận không thuộc trường hợp quy định tại Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên cấp phúc thẩm không xem xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/4/2021 của Công ty TNHH P.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà X thừa nhận có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH P và có ký biên bản đối chiếu công nợ với Công ty P. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền mua hàng bà X còn nợ Công ty P là 225.621.380đ và cấp sơ thẩm buộc bà X có trách nhiệm giao trả là phù hợp pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà X yêu cầu Công ty TNHH P thu hồi lại hàng bà bán không được đã hết hạn sử dụng, để trừ vào số tiền bà còn nợ Công ty TNHH P. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản làm việc giữa ông Nguyễn L đại diện Công ty P với bà X lập ngày 22/10/2019 (BL 44) hai bên có thỏa thuận: Công ty yêu cầu bà X thanh toán 50% số tiền công nợ trong tháng 10/2019 và thanh toán dứt điểm 50% còn lại trong tháng 11/2019, thì Công ty đồng ý thu số hàng về với điều kiện đúng mã số lô hàng và đúng date mà Công ty đã giao cho bà X và bà X phải thanh toán hết nợ cho Công ty P. Tuy nhiên, bà X không thực hiện các điều kiện theo hai bên thỏa thuận và yêu cầu nhận lại hàng của bà X không thuộc các trường hợp quy định tại điểm 5.14 và 5.15 Điều 5 của Hợp đồng số 524/18-19/HĐMB.CNST ngày 01/10/2018 mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, nên không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của bà X để buộc Công ty P phải nhận lại số hàng hóa do bà X bán không được.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị X không đồng ý giao trả thêm khoản tiền lãi của số tiền mua hàng còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch mua bán hàng hóa giữa bà X và Công ty P là giao dịch có thỏa thuận lãi

suất trên số tiền chậm thanh toán, cụ thể theo Điều 4 của Hợp đồng số 524/18-19/HĐMB.CNST ngày 01/10/2018 thì bà X có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi chậm trả là 1,2%/tháng (0,04%/ngày). Xét thấy, mức lãi suất chậm trả hai bên thỏa thuận phù hợp pháp luật, nên cấp sơ thẩm buộc bà X có trách nhiệm giao trả cho Công ty P khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán bằng số tiền 55.005.416đ là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của bà X.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại, cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty P đối với số tiền lãi 41.306.526đ, nhưng chỉ buộc Công ty Phú Nông phải chịu án phí số tiền 2.065.326đ là chưa đúng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, phần này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, kháng cáo của bà X không được chấp nhận, nên bà X phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng các Điều 5; 30; 35; 59; 92; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24; 50; 55 và Điều 306 Luật thương mại; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P đòi nợ đối với bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền gốc là 225.621.380đ và số tiền lãi là 55.005.416đ, tổng cộng vốn và lãi là 280.626.796đ (Hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn P yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải trả thêm số tiền lãi chậm thanh toán là 41.306.526đ.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 30/9/2020 đến ngày 30/3/2021 của Công ty TNHH P đối với bà Nguyễn Thị X.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm:

5.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn P phải nộp án phí số tiền 2.065.326đ (hai triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng), Công ty TNHH P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.048.333đ, theo biên lai thu số 0009619 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 2.065.326đ, hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền 5.983.007đ (năm triệu chín trăm tám mươi ba ngàn không trăm không bảy đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị X nộp án phí số tiền 14.031.340đ (Mười bốn triệu, không trăm ba mươi mốt ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

5.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị X đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0004766 ngày 15/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn